TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh
Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Tiến N,** sinh năm 1983; Địa chỉ: KDC N1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hải Dương;

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị P,** sinh năm 1991; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: KDC N1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Ma Cao.

Anh N, chị P đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Phạm Tiến N trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Anh và chị Nguyễn Thị P tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn M), huyện M, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, bất đồng quan điểm sống, chủ yếu là vấn đề về kinh tế. Năm 2012, vợ chồng anh cùng sang Đài Loan làm ăn, đến năm 2013, anh về nước và năm 2015 chị P về nước. Đến giữa năm 2016 vợ chồng tiếp tục sang Ma Cao làm ăn. Cuộc sống chung ở nước ngoài, vợ chồng anh tiếp tục nảy sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến tháng 3/2022, anh về nước định cư hẳn, còn chị P tiếp tục ở lại Ma Cao làm việc cho đến nay vẫn chưa về nước. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

- *Về con chung*: Anh và chị P có 01 con chung là Phạm Tiến H, sinh ngày 08/12/2010, hiện cháu H đang ở cùng anh và bà nội. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Phạm Tiến H, tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn. Hiện nay anh đang làm nghề cơ khí, thu nhập trung bình từ 6-8 triệu đồng/tháng, mẹ anh đang làm nội trợ ở nhà, hàng ngày hỗ trợ anh chăm sóc cháu Hiếu.

- *Về tài sản chung, vay nợ*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh N không cung cấp được địa chỉ của chị P tại Ma Cao nên Tòa án đã xác minh qua gia đình chị P, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị P. Anh Nguyễn Văn H1 là anh trai chị P trình bày: Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị P như anh N trình bày là đúng. Hiện nay, chị P đang làm việc tại Ma Cao, sau khi nhận được thông báo thụ lý và các văn bản của Tòa án, anh đã thông báo qua điện thoại cho chị P biết về việc anh N làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Quan điểm của chị P nhất trí ly hôn và đồng ý để anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung, chị P nhất trí. Về tài sản chung: Chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị P đang đi làm xa nên chị P xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa, các văn bản Tòa án gửi cho chị P đề nghị gửi cho anh và anh sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị P.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh N có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Phạm Tiến N được ly hôn chị Nguyễn Thị P; Giao cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phạm Tiến H, sinh ngày 08/12/2010 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Phạm Tiến N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị P. Chị P hiện đang sinh sống và lao động tại Ma Cao. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không cung cấp được địa chỉ của chị P tại Ma Cao. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh N và gia đình chị P cung cấp địa chỉ, nhưng anh N và gia đình chị P đều không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị P vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N và chị P.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến N và chị Nguyễn Thị P được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn M), huyện M, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/9/2009 là hôn nhân

hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là vấn đề kinh tế. Vợ chồng đã nhiều lần sang nước ngoài để làm ăn kinh tế nhưng mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện được. Hiện nay anh N đã về nước, còn chị P vẫn tiếp tục làm việc bên Ma Cao. Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P. Thông qua gia đình, chị P xác định vợ chồng có mâu thuẫn, do vợ chồng ly thân nhiều năm, không có sự quan tâm nhau trong cuộc sống, chị P nhất trí ly hôn theo đề nghi của anh N. Xét mâu thuẫn của anh N và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh N được ly hôn chị P là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh N và chị P có 01 con chung là Phạm Tiến H, sinh ngày 08/12/2010. Hiện cháu Hiếu đang do anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N có nguyện vọng xin được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị P đóng góp tiền nuôi con chung, cháu H có nguyện vọng được ở với bố, chị P cũng nhất trí để anh N tiếp tục được nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy chị P hiện đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại con chung đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, được mẹ anh giúp đỡ chăm sóc con chung nên đảm bảo về mọi mặt cho con nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cháu Phạm Tiến H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Tiến N được ly hôn chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Giao anh Phạm Tiến N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phạm Tiến H, sinh ngày 08/12/2010, thời gian từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Tiến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0002359 ngày 31/10/2022 (anh N đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn M, huyện M (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa